ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Ban Dân tộc tỉnh Lạng Sơn

(Kèm theo Quyết định số 547 /QĐ-UBND ngày 22 /3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức; Thông tư số 01/2023/TT-UBDT ngày 20/7/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công tác dân tộc trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực công tác dân tộc.

Việc xây dựng vị trí việc làm của Ban Dân tộc nhằm xác định số lượng biên chế gắn với từng vị trí việc làm của đơn vị, làm cơ sở để cấp có thẩm quyền bổ sung nguồn nhân lực, bố trí biên chế cần thiết, phù hợp với cơ cấu tổ chức, bộ máy của Ban Dân tộc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở đó thực hiện công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng công chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn đảm đương công việc phù hợp với vị trí việc làm, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ công chức của Ban Dân tộc để tham mưu thực hiện công tác quản lý nhà nước về dân tộc và triển khai thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới được tốt hơn.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Luật Cán bộ công chức năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ công chức và Luật Viên chức năm 2019.

2. Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.

3. Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

4. Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự ngiệp công lập.

5. Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức.

6. Thông tư số 01/2023/TT-UBDT ngày 20/7/2023 của của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công tác dân tộc trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực công tác dân tộc.

7. Thông tư số 01/2023/TT-TTCP ngày 01/11/2023 của Tổng Thanh tra Chính phủ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra.

8. Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND, ngày 10/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Lạng Sơn.

9. Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Lạng Sơn năm 2024.

10. Văn bản số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ về việc xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức.

III. THỐNG KÊ VÀ PHÂN NHÓM CÔNG VIỆC THEO CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TÍNH CHẤT, MỨC ĐỘ PHỨC TẠP

TT	Nhóm vị trí việc làm	Thống kê công việc
1	Lãnh đạo, quản lý	1. Tham mưu, giúp Trưởng ban trình Ủy ban nhân dân tỉnh: a) Ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án và chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực dân tộc trên địa bàn tỉnh; thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực dân tộc và theo phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên; b) Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn theo ngành, lĩnh vực dân tộc đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo quy định của Đảng, của pháp luật và chỉ đạo của cơ quan nhà nước cấp trên. 2. Tham mưu, giúp Trưởng ban: a) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra, thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao. b) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực dân tộc đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc

		phạm vi quản lý. c) Thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực dân tộc theo quy định của pháp luật; d) Tổng hợp, thống kê, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện đối với ngành, lĩnh vực được giao quản lý. Thực hiện việc thông tin, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Dân tộc và cơ quan có thẩm quyền về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.
2	Nghiệp vụ chuyên ngành	Phòng Nghiệp vụ: có chức năng tham mưu, giúp Trưởng Ban trong công tác quản lý nhà nước về công tác dân tộc; tham mưu xây dựng các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia; tổ chức triển khai thực hiện các chính sách dân tộc; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao cho đồng bào dân tộc thiểu số; phối hợp thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc; chương trình phối hợp với các cơ quan, đơn vị; tham mưu phối hợp với các cơ quan liên quan vận động đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
3	Nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	- Thanh tra Ban: có chức năng tham mưu, giúp Trưởng Ban thực hiện quản lý nhà nước về công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân, xử lý đơn thư theo quy định của pháp luật; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ban; phòng, chống tham nhũng, công tác pháp chế, kiểm soát thủ tục hành chính, theo dõi tình hình thi hành pháp luật, kiểm tra thực hiện pháp luật về bồi thường của nhà nước; thực hiện các vấn đề pháp lý và tham gia tố tụng; tự vệ cơ quan. - Văn phòng Ban Dân tộc: có chức năng tham mưu, giúp Trưởng Ban về công tác tổ chức cán bộ, công tác bảo vệ chính trị nội bộ; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; thi đua khen thưởng; công tác tổng hợp; cải cách hành chính; công nghệ thông tin; đối ngoại; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ; trang thông tin điện tử cơ quan; thực hiện áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015; thực hiện quy chế dân chủ; xây dựng nếp sống văn hóa; an ninh trật tự; phòng cháy chữa cháy; hành chính, quản trị; văn thư, lưu trữ; quản lý cơ sở vật chất, tài chính, tài sản, kinh phí; trang thiết bị và điều kiện làm việc của Ban.

IV. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM

1. Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý: 08 vị trí.

1.1. Vị trí Trưởng ban;

1.2. Vị trí Phó Trưởng ban;

1.3. Vị trí Chánh Văn phòng Ban;

1.4. Vị trí Trưởng phòng thuộc Ban ;

1.5. Vị trí Chánh Thanh tra Ban;

1.6. Vị trí Phó Chánh Văn phòng Ban;

1.7. Vị trí Phó Trưởng phòng thuộc Ban;

1.8. Vị trí Phó Chánh Thanh tra Ban.

2. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành: 02 vị trí

2.1. Vị trí chuyên viên chính về công tác dân tộc;

2.2. Vị trí chuyên viên về công tác dân tộc.

3. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 14 vị trí

3.1. Vị trí chuyên viên chính về công tác tổng hợp;

3.2. Vị trí chuyên viên chính về quản lý tài chính;

3.3. Vị trí thanh tra viên chính về công tác thanh tra;

3.4. Vị trí chuyên viên về công tác tổng hợp;

3.5. Vị trí chuyên viên về quản lý tài chính;

3.6. Vị trí chuyên viên quản trị công sở-công nghệ thông tin, chuyển đổi số;

3.7. Vị trí kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán);

3.8. Vị trí kế toán viên;

3.9. Vị trí chuyên viên về công tác thanh tra;

3.10. Vị trí thanh tra viên về công tác thanh tra;

3.11. Vị trí thanh tra viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo;

3.12. Vị trí thanh tra viên về tiếp công dân và xử lý đơn thư;

3.13. Vị trí thanh tra viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực;

3.14. Vị trí văn thư viên.

4. Vị trí việc làm thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ: 04 vị trí

4.1. Vị trí nhân viên phục vụ.

4.2. Vị trí nhân viên bảo vệ.

4.3. Vị trí nhân viên lái xe.

4.4. Vị trí nhân viên kỹ thuật.

(Có bản mô tả công việc, khung năng lực ngạch công chức đối với từng vị trí việc làm đính kèm Đề án)

V. TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC

1. Tổng hợp vị trí việc làm và ngạch công chức

1.1. Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý:

TT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
1	Trưởng Ban	
2	Phó Trưởng Ban	
3	Chánh Văn phòng Ban	
4	Trưởng phòng thuộc Ban	
5	Chánh Thanh tra Ban	
6	Phó Chánh Văn phòng Ban	
7	Phó Trưởng phòng thuộc Ban	
8	Phó Chánh Thanh tra Ban	

1.2. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành

TT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Ghi chú
1	Chuyên viên chính về công tác dân tộc	Chuyên viên chính	
2	Chuyên viên về công tác dân tộc	Chuyên viên	

1.3. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung

TT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức	Ghi chú
1	Chuyên viên chính về công tác tổng hợp	Chuyên viên chính	
3	Chuyên viên chính về quản lý tài chính	Chuyên viên chính	
2	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	Thanh tra viên chính	
4	Chuyên viên về công tác tổng hợp	Chuyên viên	
5	Chuyên viên về quản lý tài chính	Chuyên viên	
6	Chuyên viên về quản trị công sở - công nghệ thông tin, chuyển đổi số	Chuyên viên	
7	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	Kế toán viên	

8	Kế toán viên	Kế toán viên	
9	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên	
10	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên	
11	Thanh tra viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra viên	
12	Thanh tra viên tiếp công dân xử lý đơn thư	Thanh tra viên	
13	Thanh tra viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên	
14	Văn thư viên	Văn thư viên	

2. Cơ cấu ngạch công chức

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức[1]; Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 về xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; trên cơ sở số lượng biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao, xác định tỷ lệ cơ cấu ngạch công chức nghiệp vụ chuyên ngành và công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung của Ban Dân tộc tỉnh Lạng Sơn, như sau:

- Tỷ lệ ngạch chuyên viên chính và tương đương: 33,33%

- Tỷ lệ ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống: 66,67%

---

[1]Đối với nhóm lãnh đạo không xác định cơ cấu ngạch công chức theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.